TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v "Xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

-*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Minh Tấn

2. Bà Trần Thị Năm

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh Kim-cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:198/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41A/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn***: Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1995

Cư trú: ấp KĐ, xã TN, huyện T, tỉnh Long An.

2***. Bị đơn***: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990

Cư trú: ấp BL, xã TN, huyện T, tỉnh Long An.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai của chị Trần Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh T chung sống vào năm 2014, đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T, tỉnh Long An, hai bên sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống hai bên không đồng quan điểm, nên thường hay cự cãi với nhau. Nay chị xin ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung, chị với anh T chung sống với nhau có 01 con chung Nguyễn Trần Duy A , sinh ngày 27/10/2017. Sau khi chị và anh T sống ly thân thì cháu Ân sống chung với chị. Nên chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T: Ngày 03/10/2019 Tòa án lập biên bản giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 16/10/2019, nhưng anh T vắng mặt phiên hòa giải. Tòa án thông báo về việc kiểm tra, công khai chứng cứ, ý kiến yêu cầu của các đương sự trong vụ án giao cho anh T nhận nhưng anh T cũng không có ý kiến gì.

Sau khi Nên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Đối với anh Nguyễn Hữu T, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2019, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 28 tháng 11 năm 2019 theo quy định pháp luật, nhưng anh T không đến tham gia phiên tòa và vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[2]Chị Trần Thị Tuyết N và anh Nguyễn Hữu T đăng ký kết hôn ngày 04/5/2017 tại Uỷ ban nhân dân xã TN, huyện T, tỉnh Long An, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay chị N xin ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án.

[3]Sau khi kết hôn chị N và anh T về chung sống bên gia đình anh T, trong thời gian đầu hai bên sống hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì xảy ra mâu thuẩn tình cảm.Nguyên nhân là chị N và anh T tính tình không hòa hợp được, cũng như trong quá trình chung sống giữa hai bên không tin tưởng với nhau và anh T có tính hay ghen nên dẫn đến thường xuyên cự cãi với nhau. Ngoài ra đối với gia đình thì anh T không quan tâm vợ con, cho nên chị N bỏ về cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 6/2019 đến nay.

Đối với anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tiến hành lập biên bản giao nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo về việc kiểm tra, công khai chứng cứ và ý kiến của các đương sự, nhưng anh T không có ý kiến hay văn bản gì về việc yêu cầu xin ly hôn của chị N. Xét thấy về tình cảm giữa chị N và anh T không còn hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác chị N và anh T sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, vì vậy tại phiên tòa chị N xin ly hôn với anh T, nên Hội đồng xét

xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là có cơ sở.

[3.1]Về con chung, tại phiên tòa chị N khai trong thời gian chung sống với anh T có 01 người con chung tên là Nguyễn Trần Duy A, sinh ngày 27/10/2017. Xét thấy sau khi chị N sống ly thân với anh T thì cháu A sống chung với chị N cho đến nay, nên tại phiên tòa chị N yêu cầu được nuôi chung cháu A là phù hợp. Bởi tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi con..", và đến ngày xét xử cháu Ân chưa được 03 tuổi, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N là phù hợp.

[3.2]Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị N khai hiện nay chị đi làm công nhân nên có thu nhập hàng tháng ổn định, do đó chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

[4]Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa chị N khai không có, nên không xem xét.

[5]Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh T không phải chịu án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56, khoản 3 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết N.

1.Về tình cảm: Chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2.Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết N được quyền nuôi con Nguyễn Trần Duy A, sinh ngày 27/10/2017. Anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về án phí: chị Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0000610 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang thành án phí, chị N đã nộp xong.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Năm – Hà Minh Tấn	**Nguyễn Văn Hoàng**